

Số: /2023/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng năm 2023

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn

vị sự nghiệp công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 6 như sau:

“b) Trạm Y tế, dân số xã (hoạt động dân số xã): Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ y tế xã, dân số xã (hoạt động dân số xã); chi hoạt động 89 triệu đồng/xã/năm, cụ thể:

- Trạm y tế xã: Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ y tế xã; chi hoạt động 75 triệu đồng/xã/năm.

- Dân số xã (hoạt động dân số xã): Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ y tế xã; chi hoạt động 14 triệu đồng/xã/năm.

c) Y tế dự phòng, dân số huyện, y tế khác:

Các khoản chi tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương của cán bộ y tế; kinh phí hoạt động phân bổ theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, phân bổ cho y tế dự phòng tối thiểu bằng 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 1 Điều 7 như sau:

“b) Kinh phí hoạt động: Tính theo mức khoán/biên chế/năm (không bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương quy định tại điểm a khoản này), theo số biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/biên chế/năm

Đơn vị	Định mức phân bổ
1. Cấp tỉnh	
- Đảng, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân	63
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	50
- Cơ quan quản lý nhà nước, Đơn vị còn lại (kể cả đoàn thể)	
+ Có từ 30 biên chế được giao trở lên	37
+ Có từ 21 đến 30 biên chế được giao	40
+ Có từ 20 biên chế được giao trở xuống	43
- Hội đặc thù, cơ quan khác	28
- Cơ quan quản lý nhà nước trực thuộc Sở	34
<i>Riêng đối với các Chi cục trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được giao số lượng người làm việc tại địa bàn:</i>	
+ Địa bàn huyện, thị xã, thành phố	28
+ Địa bàn xã, phường, thị trấn	16
2. Cấp huyện	
- Đảng	48
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	41
- Quản lý nhà nước	35
- Hội đặc thù, cơ quan khác; Đơn vị còn lại (kể cả hội, đoàn thể)	28
3. Cấp xã	
- Đảng	21
- Quản lý nhà nước, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam	16
- Đơn vị còn lại (kể cả đoàn thể)	14
- Hoạt động khóm, ấp (triệu đồng/khóm, ấp/năm)	22

Định mức chi quản lý nhà nước cấp huyện: Bao gồm mức chi của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện và các phòng, ban thuộc cấp huyện. Căn cứ vào định mức nêu trên, Ủy ban nhân dân cấp huyện

quyết định cụ thể mức chi cho các phòng, ban trực thuộc (nhưng không cao hơn định mức chi của Quy định này).

Định mức kinh phí hoạt động nêu trên đã bao gồm kinh phí chi trả cho hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 1 Điều 8 như sau:

“b) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên căn cứ vào dự toán thu, chi năm đầu thời kỳ ổn định, quy định về giảm chi thường xuyên hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước theo lộ trình của Chính phủ, các yếu tố biến động do thay đổi chính sách, chế độ của Nhà nước (kể cả tăng lương cơ sở; nâng hệ số lương và các khoản phụ cấp nếu có; tăng/giảm số lượng người làm việc được giao...) theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên căn cứ Quyết định của cấp thẩm quyền giao quyền tự chủ tài chính năm đầu thời kỳ ổn định theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, các yếu tố biến động do thay đổi chính sách, chế độ của Nhà nước (kể cả tăng lương cơ sở; nâng hệ số lương và các khoản phụ cấp nếu có; tăng/giảm số lượng người làm việc được giao...) theo quy định.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

“3. Quy định phân bổ dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập tại điều này không áp dụng đối với: lĩnh vực giáo dục tại Điều 4, lĩnh vực đào tạo và dạy nghề tại Điều 5 và lĩnh vực y tế, dân số và gia đình tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 6 Quy định này.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Các cơ quan, đơn vị tự quyết định việc sử dụng hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và chi trả tiền lương, các khoản đóng góp và phụ cấp (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ.”.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

Định mức phân bổ tại Nghị quyết này để làm cơ sở giao dự toán cho các cơ quan, đơn vị từ năm 2024.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2023, có hiệu lực từ ngàythángnăm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Website Chính phủ;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh An Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Cổng TTĐT VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Nung